

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23.2.1.../QĐ-TĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-TTg ngày 11/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học bán công Tôn Đức Thắng thành Trường Đại học Tôn Đức Thắng;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 29/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tôn Đức Thắng giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTDHTĐT ngày 24/4/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tôn Đức Thắng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tôn Đức Thắng;

Căn cứ Quyết định số 2536/QĐ-TLĐ ngày 27/4/2021 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc công nhận Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng;

Căn cứ Biên bản số 07/BB-HĐKHDĐT của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Tôn Đức Thắng ngày 10 tháng 11 năm 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Sau đại học.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ trúng tuyển từ năm 2022 trở về sau.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng đơn vị: Phòng Sau đại học, Phòng Công tác học sinh – sinh viên, Phòng Tài chính, Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng, Phòng Thanh tra, pháp chế và an ninh, các Khoa, các Viện, các đơn vị trực thuộc Trường và nghiên cứu sinh có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Noi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC.



TS. Trần Trọng Đạo





TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



## **QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

(Ban hành theo Quyết định số 2324/QĐ-TĐT ngày 11 tháng 11 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và đơn vị liên quan; luận án tiến sĩ, đánh giá và bảo vệ luận án tiến sĩ; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm và các hoạt động khác có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Tôn Đức Thắng (sau đây gọi là Trường hoặc Nhà trường).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân, kể cả người nước ngoài có liên quan đến hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng hoặc cả hai bên cùng cấp bằng.

##### **Điều 2. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Trường xây dựng, thẩm định và ban hành, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Khối lượng học tập tối thiểu là 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ trở lên, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

##### **2. Cấu trúc chương trình đào tạo:**

a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ; luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Khối lượng kiến thức tối thiểu cho luận án tiến sĩ tương đương 70 tín chỉ;

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

3. Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh là tác giả chính của tối thiểu 02 bài báo khoa học được công bố trong các án phẩm thuộc danh mục Web of Science (WoS) hoặc danh mục Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus). Tất cả các bài báo khoa học đều tuân thủ quy định về công bố khoa học của Trường.

4. Chương trình đào tạo phải được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 05 năm.

### **Điều 3. Thời gian, hình thức đào tạo và ngôn ngữ đào tạo**

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ ngành phù hợp trở lên là 03 năm (36 tháng); đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 04 năm (48 tháng). Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn thời gian đào tạo ít nhất 03 tháng trước khi hết thời gian đào tạo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này. Các trường hợp ngoại lệ sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

4. Ngôn ngữ dùng trong đào tạo trình độ tiến sĩ là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

### **Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ**

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các án phẩm được đánh giá tối 0,75 điểm trở lên (Phụ lục II); hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

c) Đối với giảng viên giảng dạy những chương trình thuộc lĩnh vực nghệ thuật có thể thay thế yêu cầu tại điểm b khoản này bằng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân do nhà nước trao tặng.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này. Người hướng dẫn chính hoặc người hướng dẫn độc lập thì phải có tối thiểu 02 năm (24 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy, hoặc là tác giả chính của 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các án phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được đánh giá tối 0,75 điểm trở lên (Phụ lục II), hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 5,0 điểm trở lên đối với nhóm ngành kỹ thuật – tự nhiên hoặc từ 4,0 điểm trở lên đối với nhóm ngành kinh tế - xã hội theo cách tính điểm tại Phụ lục II;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ toàn thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

**Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ:

a) Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Trường và theo quy định pháp luật liên quan;

b) Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ người học trong học tập và nghiên cứu;

c) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy của Trường. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong đối xử với người học;

d) Có trách nhiệm phổ biến cho người học đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của học phần môn học;

đ) Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tham gia nghiên cứu khoa học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy;

e) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định của Nhà nước và Nhà trường.

2. Quyền và trách nhiệm của người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

a) Người hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Trường và theo quy định pháp luật liên quan;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh;

c) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

d) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

đ) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại Điều 22 của Quy chế này và bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 24 của Quy chế này;

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Trường và theo quy định pháp luật liên quan.

## Chương II

### TUYỂN SINH

#### **Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

##### 1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày hoàn tất nộp hồ sơ dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục III của Quy chế này còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các

chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

d) Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại Phụ lục III của Quy chế này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **Điều 8. Hồ sơ dự tuyển**

Người dự tuyển phải nộp 01 bộ Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

1. Đơn xin dự tuyển (theo mẫu của Trường).
2. Lý lịch khoa học (theo mẫu của Trường).
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); và bản sao công chứng Giấy công nhận văn bằng do Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp nếu văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ được cấp bởi cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; văn bằng của thí sinh người nước ngoài phải bổ sung được hợp thức hóa lãnh sự hoặc được Trường gửi bằng văn bản đề nghị đại học cấp văn bằng của thí sinh nước ngoài thực hiện hậu kiểm/kiểm tra.

4. Đề cương nghiên cứu (theo mẫu của Trường).
5. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

6. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có).
7. Giấy xác nhận thâm niên công tác nếu là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.
8. Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế còn thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển;
9. Bản sao các công trình khoa học đã công bố (nếu có).

### **Điều 9. Phương thức và thời gian tuyển sinh**

1. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm.

2. Phương thức tuyển sinh được xác định theo Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ hằng năm, bao gồm:

a) Phương thức xét tuyển: Trường xây dựng tiêu chí xét tuyển chi tiết trong Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ và công bố công khai trong thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ của Trường. Tiêu chí tính điểm xét tuyển bao gồm: văn bằng tốt nghiệp, loại hình đào tạo, kết quả học tập, kinh nghiệm làm việc từ khi tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên), bài luận về dự định nghiên cứu, thành tích chuyên môn,...;

b) Phương thức thi tuyển: Môn thi tuyển sinh hoặc hình thức thi được xác định trong Đề án tuyển sinh tiến sĩ hằng năm trên cơ sở đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo Trường. Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh là trụ sở chính và các phân hiệu của Trường;

c) Phương thức kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển: Phần xét tuyển thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều này và phần thi tuyển thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều này.

3. Trường tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện bảo đảm chất lượng để kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

4. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác.

### **Điều 10. Hội đồng tuyển sinh**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Ủy viên thường trực: Trưởng hoặc Phó trưởng phòng Sau đại học có trình độ tiến sĩ trở lên;

c) Các ủy viên: Trưởng các đơn vị chuyên môn của các ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển có trình độ tiến sĩ trở lên;

d) Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh theo quy định tại Chương II quy chế này;
- b) Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;

c) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban thư ký, Tiểu ban chuyên môn, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban làm phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo và các Ban giúp việc khác. Các ban giúp việc này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và thực hiện nhiệm vụ theo quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

4. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 05 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của bộ môn chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong và ngoài Trường do Trường khoa/viện quản lý chuyên môn mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, báo cáo về dự định nghiên cứu của thí sinh, gửi kết quả về Ban thư ký để tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

5. Những người có người thân (vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh chị em ruột của vợ chồng) dự tuyển vào Trường thì không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc trong kỳ tuyển sinh đó.

#### **Điều 11. Xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh theo quy trình:

a) Thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu.

b) Tổ chức buổi bảo vệ dự định nghiên cứu của thí sinh trước Tiểu ban chuyên môn: thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: sự rõ ràng về ý tưởng

và tính khả thi của kế hoạch nghiên cứu; tính cách, trí tuệ và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này. Đối với thí sinh là người nước ngoài, Tiểu ban chuyên môn có thể phỏng vấn trực tuyến.

c) Căn cứ tiêu chí xét tuyển quy định trong Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ, tiểu ban chuyên môn đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban thư ký.

2. Quy trình xét trúng tuyển nghiên cứu sinh được thực hiện theo Điều 13 của Quy chế này.

#### **Điều 12. Thi tuyển nghiên cứu sinh**

1. Công tác đề thi, công tác tổ chức thi tuyển, công tác chấm thi và chấm phúc khảo bài thi thực hiện đúng quy định về việc thi tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

2. Quy trình xét trúng tuyển từ kết quả thi nghiên cứu sinh được thực hiện theo Điều 13 của Quy chế này.

#### **Điều 13. Điều kiện trúng tuyển**

1. Thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển nếu đạt tối thiểu 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, điểm xét tuyển; và đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy định của các phương thức tuyển sinh trong đề án tuyển sinh và điểm thi, điểm xét tuyển của các thí sinh đủ điều kiện ở khoản 1 Điều này, Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng điểm nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- b) Người có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, đại học do Trường cấp.

4. Đối với công dân nước ngoài có nguyện vọng học tiến sĩ tại Trường được Hội đồng tuyển sinh căn cứ ngành học, kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ, đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển. Trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, giữa Trường với các trường hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước đó đến Trường học tập ở trình độ tiến sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

#### **Điều 14. Triệu tập thí sinh trúng tuyển**

1. Trường thông báo điểm chuẩn trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường.

2. Trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày và tổ chức nhập học cho thí sinh trúng tuyển.

3. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

##### **Điều 15. Tổ chức hoạt động đào tạo**

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy ở trụ sở chính hoặc tại các phân hiệu của Trường, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài Trường.

2. Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Trường công nhận kết quả học tập của những học phần chung với các cơ sở đào tạo khác mà có thỏa thuận tổ chức giảng dạy với Trường.

4. Các học phần được tổ chức giảng dạy, đánh giá theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp theo Quy định của Trường.

5. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm trung bình học phần từ 5,5 điểm trở lên. Việc tổ chức đánh giá các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do các Bộ môn đảm nhiệm học phần quyết định và được sự phê duyệt của đơn vị chuyên môn.

6. Nghiên cứu sinh đăng ký thực hiện chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan trong 06 tháng dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn tính từ ngày ký Quyết định công nhận tên đề tài tiểu luận tổng quan hoặc chuyên đề tiến sĩ. Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan được thực hiện bằng cách nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban đánh giá. Tiểu ban đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu ban đánh giá bài tiểu luận gồm 03 thành viên do đơn vị chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, không có người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 thành viên ngoài trường. Thành phần các tiểu ban đánh giá nói trên là những người có chức danh giáo sư/phó giáo sư, hoặc có học vị tiến sĩ (sau 03 năm kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ) am hiểu về lĩnh vực của chuyên đề tiến sĩ và bài tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh. Điểm chấm chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của từng thành viên theo thang điểm từ 0 đến 10, lẻ đến 0,5 điểm. Điểm trung bình chung làm tròn đến một chữ số thập phân. Điều kiện để được tiếp tục đào tạo

tạo khi nghiên cứu sinh được đánh giá đạt (điểm trung bình chung từ 5,5 điểm trở lên) ở tất cả các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

7. Nghiên cứu sinh có tiểu luận tổng quan hoặc chuyên đề tiến sĩ chưa hoàn thành đạt yêu cầu được phép gia hạn 01 lần với thời gian để hoàn thành và bảo vệ không vượt quá 06 tháng.

8. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này.

#### **Điều 16. Thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Trường về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện khi có sự xác nhận đồng ý của người hướng dẫn được bổ sung, người hướng dẫn mới và người hướng dẫn cũ.

2. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét theo đơn đề nghị của nghiên cứu sinh, trong trường hợp thời gian đào tạo tiêu chuẩn của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ có văn bản đồng ý tiếp nhận.

3. Nghỉ học tạm thời, xin thôi học: Hiệu trưởng xem xét quyết định việc nghỉ học tạm thời, thôi học theo đơn đề nghị của nghiên cứu sinh. Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang; hoặc được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành; hoặc bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế sẽ không tính vào thời gian học theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này. Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian theo nhu cầu, nguyện vọng của nghiên cứu sinh phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

4. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của Trường ở mức độ buộc thôi học.

### **Điều 17. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu**

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

- a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;
- b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;
- c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo đã theo học;
- d) Thời hạn bảo lưu kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh là không quá 07 năm (84 tháng) kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Hội đồng chuyên môn do Trưởng khoa/viện quản lý chuyên môn đề xuất, gồm ít nhất 03 người có trình độ tiến sĩ trở lên. Thành phần hội đồng chuyên môn gồm có Chủ tịch, Ủy viên và Thư ký. Căn cứ vào chương trình đào tạo hiện hành và kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh, hội đồng chuyên môn đề xuất việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

### **Điều 18. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo**

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

- 1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).
- 2. Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà Trường.
- 3. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn định kỳ 03 tháng; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.
- 4. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn; được tham gia vào các nhóm

nghiên cứu của Trường phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực chuyên môn khi có sự chấp thuận của người hướng dẫn.

5. Tuân thủ quy định về liêm chính học thuật và quy định về công bố khoa học của Trường, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

6. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án.

7. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Trường.

#### **Điều 19. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn**

Đơn vị chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất người hướng dẫn nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.

2. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh báo cáo kết quả nghiên cứu; tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

4. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của Trường.

#### **Điều 20. Quyền và trách nhiệm của Phòng Sau đại học**

1. Xây dựng, ban hành hệ thống quy trình, hướng dẫn công việc và biểu mẫu thực hiện cho hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

2. Công bố công khai quy định chi tiết của Trường về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy chế này và các quy định liên quan trên trang thông tin điện tử của Trường và Phòng Sau đại học.

3. Đề xuất trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức.

4. Đề xuất trình Hiệu trưởng thành lập tiểu ban đánh giá chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn; dự kiến lấy ý kiến phản biện độc lập; thành lập và tổ chức họp hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường.

5. Đề xuất với Hiệu trưởng và thực hiện thủ tục công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định của Trường.

## Chương IV

### ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

#### Điều 21. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ quy định về Liêm chính học thuật của Trường và các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Luận án tiến sĩ có độ dài không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh, được trình bày đúng theo quy định trình bày luận án tiến sĩ của Trường. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần sau:

a) Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố của các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu, tổ chức đáng tin cậy hoặc có uy tín cao ở trong và ngoài nước; chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết; xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c) Nội dung, kết quả nghiên cứu (thể hiện thành các chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thiết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và biện luận của nghiên cứu sinh;

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

đ) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

- g) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- h) Phụ lục và báo cáo điều tra khảo sát (nếu có).

#### **Điều 22. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn**

1. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Nghiên cứu sinh là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế này;

c) Đã hoàn thành luận án tiến sĩ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 21 của Quy chế này; đã nộp toàn văn luận án tiến sĩ lên hệ thống kiểm tra trùng lắp theo quy định của Trường; được người hướng dẫn độc lập hoặc 02 người đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus;

d) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

e) Yêu cầu tại điểm đ khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

g) Tất cả các công bố đều tuân thủ quy định về công bố khoa học của Trường; các công bố có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án, phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên đối với nhóm ngành kỹ thuật – tự nhiên hoặc từ 3,0 điểm trở lên đối với nhóm ngành kinh tế - xã hội tính theo Phụ lục II.

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện đã nêu tại khoản 1 Điều này, Trưởng đơn vị chuyên môn làm văn bản đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

4. Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn gồm 05 (năm) thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó có ít nhất 02 (hai) nhà khoa học ở ngoài Trường. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên Hội đồng. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên. Khuyến khích mời các nhà khoa học có uy tín là người nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

5. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường.

6. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc kỹ luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

7. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

8. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh, chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

9. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được từ 3/4 số thành viên Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

### **Điều 23. Phản biện độc lập luận án**

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau

khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Trường phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Trường, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Trường gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp đơn vị chuyên môn nếu cả hai phản biện độc lập lần thứ hai không tán thành luận án. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở đơn vị chuyên môn. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ để nghị bảo vệ luận án cấp trường sớm nhất sau 06 tháng và muộn nhất là 12 tháng kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập.

5. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện; có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Phòng Sau đại học. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Trường và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

#### **Điều 24. Đánh giá luận án cấp trường**

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất

những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể; tuân thủ quy định hình thức trình bày luận án của Trường;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định kiểm soát sự trùng lặp và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm:

a) Toàn văn luận án tiến sĩ;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung gồm: tên luận án, tên chuyên ngành và mã số; tên nghiên cứu sinh và khoá đào tạo; học hàm, học vị của người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án; chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 21 của Quy chế này (nếu có);

đ) Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

g) Bảng điểm tích lũy các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;

h) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

i) Bản nhận xét của phản biện độc lập;

j) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký;

k) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Trưởng đơn vị chuyên môn;

l) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

3. Căn cứ vào đề nghị của Trưởng đơn vị chuyên môn và Trưởng phòng Sau đại học, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng có 07 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Trường tối

thiểu là 02 người; số lượng thành viên đã tham gia Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn không quá 03 người.

b) Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 03 ủy viên phản biện và uỷ viên khác, trong đó có 01 phản biện là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường và 02 phản biện là người ngoài Trường; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này; người phản biện phải là tác giả chính của tối thiểu 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp trường cho nghiên cứu sinh được tổ chức bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường: [www.tdtu.edu.vn](http://www.tdtu.edu.vn), trên website của Phòng Sau đại học và website của đơn vị chuyên môn ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 25 của Quy chế này;

b) Luận án phải được tổ chức đánh giá công khai theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến theo quy định của Trường trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 25 của Quy chế này. Trường hợp tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiêng tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án cấp trường do Phòng Sau đại học và đơn vị chuyên môn phối hợp thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

6. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ theo quy định của Trường. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

7. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

#### **Điều 25. Đánh giá luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Nhà Trường xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo minh chứng và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của pháp luật.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với nghiên cứu sinh, riêng các yêu cầu quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 22 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Trường xác nhận.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy chế này.

#### **Điều 26. Đánh giá lại luận án cấp trường**

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai tối đa 05 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất. Hội đồng

đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai được thành lập và tổ chức cho nghiên cứu sinh trong thời gian tối đa 01 tháng kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án lần thứ hai của nghiên cứu sinh.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy chế này; phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

4. Trình tự, thủ tục bảo vệ lại luận án theo đúng trình tự, thủ tục bảo vệ luận án cấp trường lần đầu.

### **Điều 27. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ**

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Thư viện Trường (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường.

2. Thư viện Trường đăng tải toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Trường (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Phòng Sau đại học lập hồ sơ và tiến hành thủ tục tổ chức xét công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Trường;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

đ) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam;

e) Những tài liệu khác theo quy định của Trường.

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

5. Phòng Sau đại học tiến hành thủ tục cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

#### **Điều 28. Kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án**

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu được thực hiện theo Điều 20 của Thông tư số 18/2021/TT-BGDDT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định luận án được thực hiện theo Điều 21 của Thông tư số 18/2021/TT-BGDDT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 29. Hiệu lực thi hành**

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 235/2018/QĐ-TĐT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

2. Điểm c khoản 1 Điều 23 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 235/2018/QĐ-TĐT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng được thay thế bởi điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 22 của Quy chế này đối với khóa đã tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

3. Quy chế này gồm 5 Chương, 30 Điều và 3 Phụ lục đính kèm, được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường; có hiệu lực kể từ ngày ký, áp

dụng cho các khoá tuyển sinh sau ngày ban hành Quy chế này và thay thế Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 235/2018/QĐ-TDT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

#### **Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Trưởng các phòng, khoa, viện và các đơn vị có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường tổ chức triển khai, hướng dẫn cho giảng viên, viên chức và nghiên cứu sinh thực hiện đúng các điều khoản của Quy chế này.

2. Trưởng các phòng: Thanh tra, pháp chế & an ninh, Khảo thí & kiểm định chất lượng có trách nhiệm giám sát và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trong phạm vi toàn Trường. Tất cả các trường hợp làm khác quy định chưa được sự phê duyệt của Hiệu trưởng sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Trường.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Sau đại học để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./. *(ký)*

---

**Phụ lục I**

(Ban hành theo Quyết định số 2324/QĐ-TĐT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA  
CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 - 06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ...
Năm thứ 2	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 03 năm	Luận án và các bài công bố, ...

Lưu ý: phần in riêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Trường về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

**Phụ lục II**

(Ban hành theo Quyết định số 2324/QĐ-TĐT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

**CÁCH TÍNH ĐIỂM CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC QUY ĐỔI**

**I. Cách tính điểm quy đổi đối với bài báo khoa học và báo cáo khoa học**

**1. Khung điểm quy đổi đối với bài báo khoa học và báo cáo khoa học**

STT	Bài báo khoa học/Báo cáo khoa học	Loại	Điểm công trình
1.	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Web of Science, Scimago Q1, Q2	Tạp chí	2,00
2.	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Web of Science, Scimago Q3, Q4	Tạp chí	1,50
3.	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus	Tạp chí	1,00
4.	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế khác có mã số ISSN, không thuộc danh mục trong Web of Science và Scopus, có xuất bản trực tuyến	Tạp chí	0,75
5.	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế khác có mã số ISSN, không thuộc danh mục trong Web of Science và Scopus, không có xuất bản trực tuyến	Tạp chí	0,50
6.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế có phản biện khoa học, có mã số ISBN, thuộc danh mục trong Web of Science hoặc Scopus	Kỷ yếu	1,00
7.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế có phản biện khoa học, có mã số ISBN	Kỷ yếu	0,75
8.	Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia có phản biện, được đăng toàn văn trong kỷ yếu của hội thảo, có mã số ISBN	Kỷ yếu	0,50
9.	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo.	Tạp chí	Điểm tối đa trong khung điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định

*Chú thích: Nội dung bài báo, báo cáo khoa học bảo đảm học thuật, hợp hiến và hợp pháp. Tất cả các bài báo, báo cáo khoa học đều tuân thủ quy định về công bố khoa học của Trường. Tác giả chính của bài báo được xác định là tác giả đứng tên đầu (first author) hoặc tác giả liên hệ (corresponding author).*

2. Công trình khoa học quy đổi có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm của công trình; số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của mỗi người kể cả tác giả chính; đổi với nghiên cứu sinh, số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của mỗi người kể cả tác giả chính (trừ người hướng dẫn). Trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại được chia đều cho từng người tham gia.

## **II. Cách tính điểm quy đổi đối với kết quả ứng dụng khoa học công nghệ**

1. Mỗi kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ được cấp bằng độc quyền sáng chế được tính 3,0 điểm.

2. Mỗi giải pháp hữu ích được ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước, trong đổi mới quản lý và phát triển kinh tế - xã hội được tính 2,0 điểm.

3. Mỗi tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh, múa, kiến trúc và chương trình biểu diễn), thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia được tính 1,0 điểm, nếu đạt giải thưởng quốc tế được tính 1,5 điểm.

## **III. Cách tính điểm quy đổi đối với sách phục vụ đào tạo**

1. 01 sách chuyên khảo được tính 3,0 điểm.

2. 01 giáo trình được tính 2,0 điểm.

3. 01 sách tham khảo được tính 1,5 điểm.

4. 01 sách hướng dẫn được tính 1,0 điểm. Từ điển chuyên ngành được tính điểm như sách hướng dẫn.

5. Sách phục vụ đào tạo do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản thì được cộng thêm 25% số điểm quy đổi của sách, chương sách đó.

6. 01 chương sách phục vụ đào tạo do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản được tính 1,0 điểm. *Công*

**Phụ lục III**



(Ban hành theo Quyết định số 2324/QĐ-TĐT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH  
CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

Số thứ tự	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut The German TestDaF language certificate	Goethe- Zertifikat B2 trở lên TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	TRKİ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

